

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/4/2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Bà Hà Thị Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020, thông báo dời lịch xét xử số 13/TB-TA ngày 03 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị M, sinh năm 1991; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã AN, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp G, xã AH, huyện B, tỉnh Bến Tre

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện kết hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AH, huyện B. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T thường nhậu say về gây chuyện, đánh đập chị M rất nhiều lần. Mâu thuẫn ngày càng kéo dài nên đến tháng 4/2015, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân, dù gia đình hai bên cũng có hòa giải cho chị và anh T hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị nhận thấy mình đã không còn tình cảm và vợ chồng đã không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 08/02/2011. Hiện cháu Q đang sống cùng chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

*Quá trình tố tụng anh Nguyễn Thanh T vắng mặt nên không có lời khai.*

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lê Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: giao con chung Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 08/02/2011 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Qua nghiên cứu T bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh Tòà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị M và anh Nguyễn Thanh T kết hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó, hôn nhân của chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc do anh T thường rượu chè, về nhà nhiều lần gây sự, đánh đập vợ dẫn đến cuộc sống không còn hạnh phúc và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Chị M xác định đã không còn tình cảm và không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với anh T. Qua làm việc với gia đình anh T và qua xác minh tại địa phương đã thể hiện việc chị M và anh T có xảy ra mâu thuẫn như lời trình bày của chị M nên cả hai đã ly thân từ khoảng 05 năm nay và không thể hàn gắn được. Bên cạnh đó, thời gian ly thân đã lâu nhưng chị M và anh T vẫn không thể hàn gắn, đồng thời anh T biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án nhưng vẫn không đến Tòa cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn cùng chị M. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Chị M và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 08/02/2011, hiện cháu Q đang sống cùng chị M. Tại biên bản lý ý kiến con chung, cháu Q có nguyện vọng sống cùng chị M sau khi cha và mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Q cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo cho cuộc sống, việc học hành cũng như việc phát triển tâm sinh lý của cháu Q được ổn định. Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị M nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: chị M cho rằng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Lê Thị M ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2. *Con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 08/02/2011 cho chị Lê Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị M tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Lê Thị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008787 ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã AH;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Nguyễn Duy Linh**